

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2006/QĐ-UBND

Điện Biên Phủ, ngày 14 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh
Điện Biên năm 2007 và thời kỳ ổn định ngân sách 2007-2010**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số: 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước; Nghị định số: 73/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 Ban hành qui chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; Thông tư số: 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số:151/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2007; Quyết định số: 219/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi Quyết định số: 151/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Quyết định số: 210/2006/QĐ-TTg ngày 12 tháng 9 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số: 69/2006/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Điện Biên năm 2007 và thời kỳ ổn định ngân sách năm 2007-2010;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Điện Biên năm 2007 và trong thời kỳ ổn định ngân sách 2007-2010.

Điều 2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương quy định tại Điều 1 của Quyết định này là cơ sở để xây dựng dự toán

chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị, các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trong năm ngân sách 2007 và trong thời kỳ ổn định ngân sách.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số: 52/2004/QĐ-UB ngày 17 tháng 8 năm 2004 của UBND tỉnh về việc định mức phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2004 và trong thời kỳ ổn định ngân sách.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Lò Mai Trinh

**ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI
THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH TỈNH ĐIỆN BIÊN NĂM 2007 VÀ
TRONG THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH 2007-2010**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 18/2006/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)*

I - Nguyên tắc xây dựng định mức phân bổ dự toán chi ngân sách:

1. Kế thừa những kết quả đã đạt được của hệ thống định mức phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương theo Nghị quyết số: 12/2004/NQ-HĐND ngày 28/7/2004 của HĐND tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 2.

2. Dân số là tiêu chí cơ bản để xây dựng hệ thống định mức phân bổ dự toán cho các cấp ngân sách; Chỉ tiêu biên chế (được cấp có thẩm quyền phê duyệt), học sinh, giường bệnh... là tiêu chí cơ bản để xây dựng định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị dự toán. Ngoài ra có các tiêu chí bổ sung để đảm bảo tính đặc thù đối với từng lĩnh vực chi ngân sách, từng huyện, thị xã, thành phố và loại hình đơn vị dự toán.

3. Đảm bảo nguyên tắc dự toán năm 2007 và giai đoạn 2007 - 2010 của các cấp ngân sách, đơn vị dự toán cao hơn so với dự toán năm 2006 và giai đoạn 2004 - 2006; Tạo điều kiện để thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển Kinh tế - Xã hội, An ninh - Quốc phòng của địa phương, đặc biệt là các chương trình trọng điểm nhằm đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

4. Đảm bảo thực hiện tốt các chế độ chính sách do Trung ương ban hành: Chế độ tiền lương, trợ cấp theo Nghị định số: 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004; Nghị định số: 118/2005/NĐ-CP ngày 15/9/2005; Nghị định số: 119/2005/NĐ-CP ngày 27/9/2005, chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức xã theo Nghị định số: 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính phủ; Chế độ học bổng học sinh dân tộc nội trú theo Quyết định số: 82/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ. Sắp xếp các khoản chi để đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện tốt các chính sách đặc thù của tỉnh đã được HĐND tỉnh quyết định: Chế độ chính sách đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã, bản; Kinh phí thành lập các tổ chức mới; Kinh phí biên chế tăng thêm; Kinh phí thực hiện chương trình phát triển Kinh tế - Xã hội vùng cao, hỗ trợ sản xuất nông nghiệp v.v...

5. Định mức phân bổ dự toán chi ngân sách phải đảm bảo thực hiện tốt nguyên tắc cân đối ngân sách theo qui định của Luật Ngân sách Nhà nước: Tổng chi ngân sách không vượt quá tổng thu ngân sách; Việc quyết định các chính sách mới tăng thêm phải trên cơ sở cân đối nguồn ngân sách. Định mức

phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2007 là cơ sở để xây dựng và phân bổ dự toán ngân sách địa phương trong thời kỳ ổn định 2007 – 2010.

6. Trong thời kỳ ổn định ngân sách 2007 – 2010, nếu Nhà nước ban hành bổ sung các chế độ, chính sách mới làm tăng chi ngân sách thì sẽ điều chỉnh lại mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho phù hợp với tình hình thực tế.

7. Trong các định mức phân bổ phải đảm bảo ưu tiên cho sự nghiệp Giáo dục – Đào tạo, Khoa học công nghệ, Vệ sinh môi trường bằng hoặc cao hơn định mức Chính phủ qui định; Định mức phân bổ các khoản chi ngoài các nội dung trên có thể thấp hơn định mức chung để đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội đã được HĐND tỉnh Quyết định.

8. Thực hiện tốt nguyên tắc: Công bằng, dân chủ, công khai, minh bạch trong xây dựng và thực hiện định mức phân bổ dự toán đối với đơn vị dự toán trên cơ sở phân loại các đơn vị, nhóm đơn vị và có tính đến các yếu tố đặc thù về phạm vi quản lý, đối tượng chi, hoạt động chuyên môn nghiệp vụ đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.

9. Đảm bảo thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước theo Nghị định số: 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số: 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ.

10. Định mức phân bổ ngân sách địa phương năm 2007 là định mức tối thiểu. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách của các huyện, thị xã, thành phố; UBND huyện, thị xã, thành phố xây dựng định mức phân bổ ngân sách huyện, thị xã, thành phố trình HĐND cùng cấp phê duyệt để làm cơ sở phân bổ dự toán ngân sách cấp huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn.

II - Tiêu chí xây dựng định mức phân bổ ngân sách địa phương:

1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh.

a) Tiêu chí cơ bản:

Tiêu chí trong xây dựng định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên cấp tỉnh căn cứ vào đối tượng chi như: Chi tiêu biên chế (được cấp có thẩm quyền phê duyệt), học sinh, giường bệnh, đối tượng xã hội...

b) Tiêu chí bổ sung:

- Loại hình cơ quan, đơn vị: Đảng, Đoàn thể, Quản lý Nhà nước, đơn vị sự nghiệp và đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số: 130/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số: 43/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ.

- Số lượng và qui mô biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Tính chất đặc thù và tình hình thực tế của từng cơ quan, đơn vị.

2. Định mức phân bổ dự toán chi ngân sách huyện, thị xã, thành phố:

a) Tiêu chí cơ bản:

Dân số là tiêu chí cơ bản trong xây dựng định mức phân bổ dự toán chi ngân sách các huyện, thị xã, thành phố. (Gọi chung là cấp huyện). Dân số từng huyện được xác định theo số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh.

b) Tiêu chí bổ sung:

- Để định mức phân bổ ngân sách đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ chi và phù hợp tình hình thực tế của địa phương; Đảm bảo sự công bằng, hợp lý trong phân bổ ngân sách giữa các huyện, định mức phân bổ tính toán thêm một số tiêu chí bổ sung, bao gồm:

- Biên chế, quỹ tiền lương.
- Học sinh dân tộc nội trú.
- Qui mô dân số
- Số lượng xã, bản
- Số xã biên giới
- Tỷ lệ hộ đói nghèo (theo chuẩn mới)
- Đặc điểm địa lý, Kinh tế - Xã hội và khả năng cân đối ngân sách của từng huyện.

III- Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSDP năm 2007:

A - Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh:

1. Các khoản chi thường xuyên theo định mức.

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
I	Chi quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể tỉnh	1.000đ/bc/năm	
1	Đơn vị dưới 20 biên chế	”	33.000
2	Đơn vị có từ 20 – 39 biên chế	”	32.000
3	Đơn vị từ 40 biên chế trở lên	“	31.000
4	Các hội (được giao biên chế)	“	30.000
II	Sự nghiệp Giáo dục	1.000đ/bc/năm	29.500

III	Sự nghiệp đào tạo	”	
1	Trường Cao đẳng sư phạm	1.000đ/hs/năm	5.000
2	Trường Trung học KTKTTH tỉnh	”	4.500
3	Trường Dạy nghề	”	3.000
4	Trường Trung học Y tế	”	4.500
5	Trường Chính trị tỉnh	Tính dự toán theo nhiệm vụ chi trên cơ sở chỉ tiêu đào tạo được giao hàng năm.	
6	Đào tạo khác	Mức chi cụ thể do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định.	
IV	Sự nghiệp Y tế	”	
A	Khám chữa bệnh	1.000đ/gb/năm	
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh	”	33.000
2	Bệnh viện đa khoa khu vực TX M. Lay	”	23.000
3	Bệnh viện Y học cổ truyền	”	23.000
4	Bệnh viện Lao Phổi	”	22.000
5	KCB tuyến huyện	”	28.000
B	Y tế dự phòng	1.000đ/bc/năm	27.000
V	Sự nghiệp Văn hóa thông tin	”	27.000
VI	Sự nghiệp Thể dục thể thao		27.000
VII	Sự nghiệp Phát thanh truyền hình	Đồng/người dân/năm	11.450
VIII	Chi sự nghiệp kinh tế		
1	Sự nghiệp Nông, Lâm nghiệp, Thủy lợi	1.000đ/bc/năm	27.000
2	Các sự nghiệp kinh tế khác	Mức chi cụ thể do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định.	
IX	Các đơn vị khác	1.000đ/bc/năm	25.000

1.1. Các định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm các nội dung:

a) Nhóm chi cho con người:

- Các khoản chi có tính chất lương gồm: Tiền lương, tiền công, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương, (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế, kinh phí Công đoàn). Tiền lương tính theo qui định tại Nghị định số: 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 và Nghị định số: 118/2005/NĐ-CP ngày 15/9/2005 của Chính phủ.

- Học bổng học sinh, sinh viên.

- Sinh hoạt phí các đối tượng chính sách (nếu có).

Các khoản chi này phải được tính đủ trong định mức trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, học sinh hưởng học bổng, đối tượng chính sách hưởng sinh hoạt phí được cấp có thẩm quyền giao và các chế độ, chính sách về tiền lương, học bổng, sinh hoạt phí hiện hành của Nhà nước.

b) Chi hoạt động thường xuyên của các đơn vị:

- Thanh toán dịch vụ công cộng về điện, nước, nhiên liệu, vệ sinh môi trường.

- Chi vật tư văn phòng.

- Chi thông tin, tuyên truyền, liên lạc.

- Chi hội nghị.

- Chi công tác phí trong nước.

- Chi sửa chữa thường xuyên TSCĐ phục vụ hoạt động của đơn vị.

- Chi chuyên môn nghiệp vụ của từng ngành.

- Chi khác gồm: Chi các khoản phí, lệ phí; Chi tiếp khách; Bảo hiểm phương tiện; Kinh phí hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng; Kinh phí hoạt động của các tổ chức Đoàn thể, của Ban thanh tra nhân dân; Kinh phí thực hiện Pháp lệnh dân quân tự vệ, kinh phí khen thưởng... và các khoản chi khác phục vụ hoạt động thường xuyên của đơn vị.

Các khoản chi này phải được bố trí hợp lý trên cơ sở đáp ứng hoạt động thường xuyên của các đơn vị dự toán; Thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước.

c) Chi sửa chữa lớn, mua sắm tài sản cố định:

- Chi sửa chữa lớn tài sản cố định, phương tiện làm việc.

- Chi mua sắm tài sản, phương tiện làm việc.

d) Các khoản chi khác:

Định mức chi ngân sách trên đã bao gồm cả chỉ tiêu tiết kiệm tối thiểu 10% trên tổng chi thường xuyên của các đơn vị (trừ các khoản chi thuộc nhóm

chi cho con người) để thực hiện cải cách tiền lương theo qui định của Nhà nước.

1.2. Chưa bao gồm các nội dung chi tính ngoài định mức:

- Chi đặc thù hoạt động của Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh.

- Chi bầu cử đại biểu Quốc hội, bầu cử HĐND các cấp.

- Chi đại hội nhiệm kỳ của các đoàn thể.

- Chi thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo quyết định của UBND tỉnh.

- Chi hỗ trợ học bổng học sinh bán trú.

- Chi hỗ trợ sách giáo khoa, giấy vở viết, đồ dùng học tập đối với học sinh xã 135 và học sinh phổ cập Trung học cơ sở.

- Chi KCB cho người nghèo, KCB trẻ em dưới 6 tuổi.

- Chi nghiệp vụ đặc thù của các ngành, đơn vị có tính chất chi đối với phạm vi toàn tỉnh.

- Chi sửa chữa, mua sắm các tài sản, phương tiện làm việc có giá trị trên 100 triệu đồng.

- Chi thực hiện các nhiệm vụ được tỉnh giao ngoài kế hoạch.

Các khoản chi này được tính, giao dự toán trên cơ sở nhu cầu chi thực tế đối với từng đơn vị và khả năng ngân sách địa phương; Nội dung và dự toán chi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và không tính trong định mức chi chung đối với các đơn vị; Cấp nào quyết định chi thì cấp đó cân đối nguồn để chi trả.

1.3. Các định mức chi sự nghiệp nêu trên là mức trần tối đa làm căn cứ xác định mức chi bổ sung từ NSDP cho các đơn vị sự nghiệp khi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo quy định tại Nghị định số: 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ.

2. Các khoản chi không định mức:

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ và khả năng cân đối ngân sách, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định mức chi cụ thể gồm:

2.1. Chi đảm bảo xã hội: Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ người có công cách mạng cải thiện nhà ở theo Quyết định số: 118 của Thủ tướng Chính phủ; Kinh phí thực hiện công tác phòng chống mại dâm, ma túy; Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo xã hội khác của tỉnh.

2.2. Chi An ninh - Quốc phòng: Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng địa phương theo quy định của Luật Ngân sách; Kinh phí hỗ trợ các cơ

quan an ninh, quốc phòng địa phương; Kinh phí đảm bảo an ninh biên giới, diễn tập phòng thủ và các nhiệm vụ đặc thù của toàn tỉnh.

2.3. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: Mức chi được xác định tối thiểu bằng định mức Trung ương phân bổ cho địa phương.

2.4. Chi chính sách trợ giá, trợ cước gồm các nội dung chi: Trợ giá đối với Báo Đảng địa phương; các cơ sở giữ, bảo tồn và phát triển giống gốc và thực hiện chế độ trợ giá, trợ cước các mặt hàng chính sách đối với đồng bào miền núi. Tổng mức phân bổ tối thiểu bằng định mức Trung ương phân bổ cho địa phương.

2.5. Chi hoạt động môi trường gồm các nội dung chi: Phòng ngừa kiểm soát ô nhiễm môi trường; Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường; Chi điều tra, khảo sát, đánh giá tác động môi trường; Chi hoạt động quan trắc và phân tích môi trường v.v... Căn cứ dự toán Trung ương giao, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định.

2.6. Chi thường xuyên khác: Bao gồm các khoản chi hỗ trợ khác, tiếp khách, khen thưởng, kinh phí quan hệ với các địa phương nước bạn Lào,... Mức phân bổ tối thiểu bằng 0,5% tổng chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh.

B- Định mức phân bổ dự toán chi ngân sách huyện, thị xã, thành phố (đã bao gồm cả ngân sách xã, phường, thị trấn):

1. Định mức phân bổ chi sự nghiệp Giáo dục:

- Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế: Đảm bảo tính đủ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ). Tiền lương tính theo quy định tại Nghị định số: 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 và Nghị định số: 118/2005/NĐ-CP ngày 15/9/2005 của Chính phủ. Các khoản phụ cấp lương theo qui định hiện hành.

- Đảm bảo chế độ học bổng học sinh dân tộc nội trú theo qui định tại Quyết định số: 82/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đảm bảo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương và học bổng học sinh dân tộc nội trú là 90%, các nội dung chi thường xuyên khác để chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục 10% trong tổng chi sự nghiệp Giáo dục các huyện, thị xã, thành phố.

- Định mức phân bổ nêu trên chưa bao gồm:

+ Chi hỗ trợ học bổng học sinh dân tộc bán trú.

+ Chế độ không thu tiền sách giáo khoa, giấy vở học sinh... đối với học sinh xã 135 và học sinh phổ cập Trung học cơ sở.

2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp Đào tạo:

- Phân bổ theo tiêu chí dân số: 4.500đ/người dân/năm.

- Định mức phân bổ trên đã bao gồm kinh phí chi bộ máy, kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CB,CC cơ sở của Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thị xã, thành phố theo chế độ qui định của Bộ Tài chính và UBND tỉnh.

3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp Y tế:

- Phân bổ theo tiêu chí dân số: 22.150đ/người dân/năm.
- Các huyện Điện Biên Đông, Điện Biên, Tủa Chùa tính tăng 10%, huyện Mường Nhé tính tăng 20% so với định mức phân bổ trên.

- Định mức phân bổ trên đã bao gồm: Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi nghề theo Quyết định số: 276/2005/QĐ-TTg; Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp trực Y tế 24/24 theo Quyết định số: 155/2003/QĐ-TTg ngày 30/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ, phụ cấp Y tế bản theo Quyết định của UBND tỉnh.

- Ngoài định mức phân bổ trên, phân bổ thêm kinh phí chi hoạt động thường xuyên của Trạm Y tế xã, mức phân bổ 10 triệu đồng/trạm/năm.

4. Định mức phân bổ chi Quản lý hành chính Nhà nước, Đảng, Đoàn thể:

- Phân bổ theo tiêu chí dân số:

+ Huyện Điện Biên, Tuần Giáo: 65.800 đồng/người dân/năm.

+ Các huyện, thị xã, thành phố còn lại: 126.500 đồng/người dân/năm.

- Định mức phân bổ trên đã bao gồm: Kinh phí đảm bảo các chính sách chế độ về tiền lương, chi hoạt động thường xuyên của các cơ quan hành chính Nhà nước, Đảng, đoàn thể, các xã, phường, thị trấn; Kinh phí chi hoạt động đặc thù của các cấp ủy Đảng, Văn phòng HĐND và UBND, các tổ chức chính trị xã hội; Kinh phí hoạt động của HĐND các cấp; Kinh phí thực hiện Pháp lệnh dân quân tự vệ; Kinh phí hoạt động của các tổ chức cơ sở Đảng theo Quyết định số: 84/QĐ-TW ngày 01/10/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã theo qui định tại Thông tư Liên tịch số: 40/2006/TTLT ngày 12/5/2006 của liên bộ Bộ Tài chính - Ban thường trực Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam...

- Ngoài định mức phân bổ chi ngân sách theo dân số nêu trên, phân bổ thêm cho các huyện, thị xã, thành phố theo số đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể như sau:

+ Mỗi xã, phường, thị trấn được bổ sung thêm 250 triệu đồng/xã/năm.

+ Các huyện Điện Biên, Điện Biên Đông, Tủa Chùa, Mường Chà (hưởng phụ cấp khu vực 0,7 và phụ cấp đặc biệt 30%) được bổ sung thêm 40 triệu đồng/xã/năm. Huyện Mường Nhé (phụ cấp khu vực 0,7 và phụ cấp đặc biệt 50%, 100%) được bổ sung thêm 120 triệu đồng/xã/năm.

- Các định mức phân bổ trên chưa bao gồm:

+ Chế độ chính sách đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã, phường, thị trấn, thôn bản và tổ dân phố: Kinh phí này được tính bổ sung cho các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào số lượng cán bộ và mức phụ cấp đã được HĐND tỉnh quyết định.

+ Phụ cấp Đại biểu HĐND các cấp: Kinh phí này được tính bổ sung cho các huyện, thị xã, thành phố theo số đại biểu thực tế và mức phụ cấp được hưởng.

5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp Văn hóa thông tin:

- Phân bổ theo tiêu chí dân số: 5.250 đồng/người dân/năm.

- Riêng Thành phố Điện Biên Phủ do yêu cầu phục vụ chung của tỉnh, ngoài việc được phân bổ theo định mức nêu trên còn được tính bổ sung một số nhiệm vụ chi phục vụ yêu cầu chung của tỉnh. Mức phân bổ cụ thể do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định trong phương án phân bổ NSĐP.

- Phân bổ thêm kinh phí cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện các nhiệm vụ:

+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo “Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư” cấp xã, phường, thị trấn; Mức hỗ trợ bình quân: 3 triệu đồng/xã/năm.

+ Kinh phí thực hiện “Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư” của khu dân cư (thôn, phố, bản): 1 triệu đồng/khu dân cư/năm.

- Trong định mức phân bổ chi sự nghiệp Văn hóa thông tin nêu trên chưa bao gồm kinh phí chi hoạt động tài trợ chiếu bóng vùng cao.

6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp Thể dục thể thao:

- Phân bổ theo tiêu chí dân số: 4.000 đồng/người dân/năm.

- Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm các khoản kinh phí thực hiện chế độ chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên và các giải thể thao theo quyết định của tỉnh, kinh phí tổ chức các hội thao, đại hội Thể dục thể thao phạm vi toàn tỉnh.

7. Định mức phân bổ chi Đảm bảo xã hội:

- Phân bổ theo tiêu chí dân số: 7.000 đồng/người dân/năm.

- Đối với các huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo từ 40% đến 50% theo chuẩn mới được tính hệ số 1,1 theo định mức nêu trên.

- Đối với các huyện, thị xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 50% theo chuẩn mới được tính hệ số 1,2 theo định mức nêu trên.

- Định mức phân bổ trên đã bao gồm:

+ Kinh phí thực hiện Pháp lệnh người cao tuổi như: Mua thẻ bảo hiểm Y tế, chế độ trợ cấp đối với những người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa.

+ Kinh phí thăm hỏi, động viên các đối tượng chính sách như: gia đình thương, bệnh binh, liệt sỹ, người có công với cách mạng,... vào các ngày lễ, tết.

+ Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo xã hội khác trên địa bàn.

- Ngoài định mức phân bổ trên, phân bổ thêm kinh phí thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ xã nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số: 119/NĐ-CP ngày 27/9/2005 của Chính phủ.

8. Định mức phân bổ chi An ninh – Quốc phòng:

- Phân bổ theo tiêu chí dân số: 10.050 đồng/người dân/năm.

- Định mức phân bổ trên đã bao gồm các khoản kinh phí thực hiện Pháp lệnh Dân quân Tự vệ theo Nghị định số: 184/NĐ-CP ngày 02/11/2004 của Chính phủ.

- Đối với các huyện có xã biên giới được bổ sung thêm kinh phí theo số xã biên giới. Mức bổ sung 100 triệu đồng/xã/năm.

- Định mức phân bổ nêu trên chưa bao gồm các khoản kinh phí đặc thù thực hiện nhiệm vụ An ninh - Quốc phòng của toàn tỉnh (kinh phí diễn tập phòng thủ khu vực hàng năm, kinh phí đảm bảo an ninh biên giới phát sinh đột xuất khác v.v...).

9. Định mức phân bổ chi Sự nghiệp kinh tế:

- Đảm bảo mức bình quân chung chi sự nghiệp kinh tế của các huyện, thị xã, thành phố được phân bổ tối thiểu đạt 3% tổng chi thường xuyên của các lĩnh vực chi (từ mục 1 đến mục 8 phần B nêu trên) được phân bổ dự toán chi ngân sách qui định ở trên. Các huyện, thị xã, thành phố phải giao chỉ tiêu tăng thu ngân sách để bố trí tăng chi cho sự nghiệp kinh tế.

- Thành phố Điện Biên Phủ và Thị xã Mường Lay được bổ sung thêm: Kinh phí thực hiện công tác sửa chữa, nạo vét cống rãnh, điện chiếu sáng công cộng... Mức phân bổ cụ thể do UBND trình HĐND tỉnh quyết định trong phương án phân bổ NSDP.

- Đô thị loại III thuộc tỉnh được bổ sung thêm 5 tỷ đồng/năm.

- Định mức phân bổ trên chưa bao gồm các nội dung chi: Chương trình phát triển KTXHVC, thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo Quyết định của UBND tỉnh. Mức phân bổ cụ thể cho từng huyện, thị xã, thành phố do UBND trình HĐND tỉnh quyết định trong phương án phân bổ NSDP.

10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp hoạt động môi trường:

Để thực hiện nhiệm vụ thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt, chất độc gây ô nhiễm môi trường trong các lĩnh vực: duy tu, sửa chữa các công trình phục vụ công tác bảo vệ môi trường... Căn cứ dự toán Trung ương giao, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định trong phương án phân bổ NSDP.

11. Định mức phân bổ chi thường xuyên khác:

Bao gồm các khoản chi ngoại vụ, biên giới, các khoản hỗ trợ khác, tiếp khách, kinh phí khen thưởng; kinh phí quan hệ với các địa phương, nước bạn, kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo 160 v.v...

Mức phân bổ tối thiểu bằng 0,5% so với tổng các khoản chi thường xuyên của ngân sách huyện, thị xã, thành phố.

12. Định mức bổ sung:

Ngoài các nội dung chi theo định mức phân bổ nêu trên. Để tạo điều kiện cho các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển Kinh tế - Xã hội, An ninh - Quốc phòng; Đảm bảo phù hợp với điều kiện đặc thù của từng vùng, phân bổ tăng thêm cho các huyện, thị xã, thành phố:

- Các huyện, thị xã, thành phố có dân số dưới 30.000 dân được tính phân bổ thêm 35% tổng số chi ngân sách sau khi xác định theo các định mức phân bổ nêu trên.

- Nếu tính theo các định mức phân bổ trên mà dự toán chi thường xuyên năm 2007 thấp hơn dự toán năm 2006 được tính bổ sung, mức tăng chi tối thiểu bằng 2% so với dự toán năm 2006.

- Hàng năm căn cứ vào khả năng tăng thu ngân sách và các nguồn bổ sung, hỗ trợ thêm của Trung ương (nếu có), UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Quyết định mức bổ sung tăng cho từng huyện, thị xã, thành phố và từng lĩnh vực chi cụ thể.

13. Định mức phân bổ dự phòng ngân sách:

Bố trí dự phòng ngân sách ở các cấp ngân sách địa phương theo qui định của Luật ngân sách Nhà nước nhằm giải quyết kịp thời các nhiệm vụ chi đột xuất phát sinh, chủ động ứng phó với thiên tai...; Mức bố trí tối thiểu bằng 2% tổng chi ngân sách huyện, thị xã, thành phố.

14. Đối với đơn vị hành chính mới thành lập theo Quyết định của cấp có thẩm quyền:

Căn cứ mức hỗ trợ bổ sung của Trung ương ngân sách tỉnh thực hiện bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố. Kinh phí hỗ trợ được thực hiện trong 03 năm kể từ khi điều chỉnh địa giới hành chính theo Nghị định của Chính phủ.

C. Phương pháp xác định một số tiêu chí, căn cứ của định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2007:

1. Về dân số: Dân số của từng huyện, thị xã, thành phố được xác định theo số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh.

2. Số lượng xã, bản:

- Số lượng xã được xác định trên cơ sở các Nghị định của Chính phủ.
- Số lượng thôn, bản, tổ dân phố, khu dân cư được xác định trên cơ sở các quyết định công nhận thành lập của cấp có thẩm quyền.

3. Về tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới:

Được xác định trên cơ sở kết quả điều tra xác định hộ nghèo năm 2005 được phê duyệt tại Quyết định số: 1062/QĐ-UBND ngày 13/10/2005 của UBND tỉnh và kết quả thực hiện giảm nghèo theo Nghị quyết của HĐND các huyện, thị xã, thành phố năm 2006.

4. Về đối tượng cán bộ xã nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số: 119/NĐ-CP ngày 27/9/2005 của Chính phủ: Thực hiện theo phê duyệt của UBND tỉnh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Lò Mai Trinh